

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-12-2020
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mai Hằng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương;
2. Bà Nguyễn Thị Mai Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 17-12-2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2020 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Quang H, sinh năm 1970. Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2020, các bản khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Quang H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 03/10/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn T, xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Vũ Quang H nghiện ma túy, đánh đập vợ con và anh Vũ Quang H đã mang toàn bộ tài sản trong gia đình đi bán để lấy tiền sử dụng ma túy. Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh Vũ Quang H không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Quang H.

Về con chung: Chị và anh Vũ Quang H có 01 người con chung là Vũ Lê H, sinh ngày 06/9/2002. Cháu Vũ Lê H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh công nhận lời khai của chị Nguyễn Thị Q về thời gian kết hôn cũng như địa điểm kết hôn. Anh Vũ Quang H xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bản thân anh mắc vào tệ nạn nghiện chất ma túy làm ảnh hưởng đến gia đình và vợ con. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có một con chung như chị Nguyễn Thị Q trình bày là đúng. Hiện tại con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Q.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Vũ Quang H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 03/10/2001 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo anh chị vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được mấy năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Vũ Quang H nghiện ma túy không lo cho gia đình và vợ con. Đến nay, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nguyễn Thị Q yêu cầu ly hôn anh Vũ Quang H đồng ý. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Vũ Quang H có một người con chung là Vũ Lê H, sinh ngày 06/9/2002. Cháu Vũ Lê H đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Vũ Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Vũ Quang H.

2. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007924 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 03/11/2020.

3. *Về quyền kháng cáo*: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Mai Hằng

